**1. Đề nghị xác nhận việc thay đổi người đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Trình tự thực hiện** | |
| Bước 1 | Nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ báo cáo thay đổi đại diện giao dịch cho thành viên lưu ký. Thành viên lưu ký thẩm định và khai báo các thông tin theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLK); |
| Bước 2 | TTLK tiếp nhận thông tin khai báo.  (i)Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin, TTLK điều chỉnh thông tin thay đổi đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài và xác nhận điện tử trên hệ thống thông qua thành viên lưu ký.  (ii) Trường hợp từ chối, TTLK trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do. |
| Bước 3 | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận xác nhận điện tử, thành viên lưu ký nộp đầy đủ hồ sơ báo cáo thay đổi đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định cho TTLK; |
| Bước 4 | TTLK xác nhận bằng văn bản việc thay đổi đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài (qua thành viên lưu ký) |
| **2. Cách thức thực hiện** | |
| Bước 1 & Bước 2 | Thành viên lưu ký khai báo hồ sơ và TTLK trả lời hồ sơ trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến; |
| Bước 3 & Bước 4 | - **Cách thức nhận hồ sơ:** Thành viên lưu ký nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ trụ sở TTLK;  - **Cách thức trả kết quả:** Thành viên lưu ký nhận văn bản xác nhận việc thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài tại trụ sở. |
| **3. Thành phần hồ sơ: (Số lượng hồ sơ:** **01 bộ)** | |
|  | 1) Báo cáo thay đổi (bản cứng hoặc bản sao điện SWIFT của ngân hàng lưu ký toàn cầu có xác nhận của thành viên lưu ký);  2) Bản sao văn bản ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho thành viên lưu ký thực hiện báo cáo (nếu là thành viên lưu ký mới của nhà đầu tư);  3) Văn bản ủy quyền đại diện giao dịch mới;  4) Phiếu thông tin về đại diện giao dịch mới;  5) Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân (thẻ căn cước công dân)/ hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân khác của đại diện giao dịch (nếu có);  6) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán của đại diện giao dịch (nếu có);  7) Thông báo về việc chấm dứt ủy quyền hoạt động cho đại diện giao dịch cũ. |
| **Lưu ý** | - Trước khi có sự thay đổi, nhà đầu tư nước ngoài phải thông qua thành viên lưu ký thực hiện báo cáo với TTLK.  - Ngoại trừ các tài liệu theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 123/2015/TT-BTC, văn bản ủy quyền cho thành viên lưu ký, hợp đồng lưu ký và các tài liệu trích dẫn nội dung đăng tải từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước ngoài, các tài liệu lập bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài. Bản sao các tài liệu lập bằng tiếng Việt do cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có thẩm quyền tại Việt Nam cấp được công chứng hoặc chứng thực phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam. Thời điểm công chứng hoặc chứng thực không quá một (01) năm, tính tới thời điểm nhà đầu từ nước ngoài nộp hồ sơ cho thành viên lưu ký;  - Ngoại trừ tài liệu bằng tiếng Anh hoặc bản dịch tiếng Anh đã được công chứng hoặc chứng thực theo pháp luật nước ngoài, tài liệu bằng các tiếng nước ngoài khác phải được dịch ra tiếng Việt. Việc dịch ra tiếng Việt được thực hiện bởi thành viên lưu ký hoặc bởi tổ chức dịch thuật hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. |
| **4. Thời hạn giải quyết** | |
| Bước 2 | 01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận thông tin khai báo trên hệ thống đăng ký mã số giao dịch chứng khoán trực tuyến; |
| Bước 4 | 05 ngày làm việc kể từ ngày TTLK nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ thành viên lưu ký. |
| **5. Đối tượng thực hiện** | |
|  | Thành viên lưu ký được ủy quyền thực hiện báo cáo. |
| **6. Cơ quan thực hiện** | |
|  | Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam |
| **7. Kết quả thực hiện** | |
|  | Văn bản xác nhận việc thay đổi đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài. |
| **8. Phí, lệ phí:**Không có | |
| **9. Tên mẫu đơn, tờ khai:**Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, bao gồm: | |
|  | - Phụ lục 3: Báo cáo về một số thay đổi của nhà đầu tư nước ngoài (do nhà đầu tư lập);  - Phụ lục 10: Văn bản chỉ định/Giấy ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài cho đại diện giao dịch;  - Phụ lục 11: Phiếu thông tin về đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài. |
| **10. Yêu cầu, điều kiện:**Không có | |
| **11. Căn cứ pháp lý** | |
|  | Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam |

**Các phụ lục kèm Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

**Phụ lục 3/Appendix 3**

**MẪU BÁO CÁO VỀ MỘT SỐ THAY ĐỔI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (DO NHÀ ĐẦU TƯ LẬP)**

**REGISTRATION APPLICATION FORM FOR INFORMATION CHANGE**

Kính gửi: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

To: Vietnam Securities Depository

Tên nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investor’s name:

Mã số giao dịch chứng khoán/ Securities Trading Code Number:

Nội dung thay đổi (Ghi N/A, nếu không có sự thay đổi phù hợp)

Content to change (Please mark N/A, if such item is not applicable)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nội dung cũ  Original Information | Nội dung mới  New Information |
| 1. | Thay đổi tên, địa chỉ/ Change of name/ address | |
|  | Tên cũ:  Original Name | Tên mới (nếu có)  New Name (if any) |
| Địa chỉ cũ  Original Address | Địa chỉ mới (nếu có)  New Address (if any) |
| Tel/Fax/Email | Tel/Fax/Email (if any/ nếu có) |
| Số đăng ký NSH | Số đăng ký NSH mới (nếu có) |
| 2. | Thay đổi thành viên lưu ký/ Change of local custodian | |
|  | Thành viên lưu ký cũ  Original Custodian | Thành viên lưu ký mới (nếu có)  New Custodian (if any) |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Số tài khoản lưu ký | Số tài khoản lưu ký mới |
| 3. | Thay đổi ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp  Change of bank where the client open foreign indirect investment account | |
|  | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (cũ)  Old bank | Ngân hàng lưu ký nơi mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới (nếu có)  New bank |
| Địa chỉ  Address | Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
|  |  |
| Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp cũ  Foreign Indirect Investment Account | Số tài khoản vốn đầu tư gián tiếp mới  New Foreign Indirect Investment Account (if any) |
| 4. | Thay đổi Đại diện giao dịch/ change of Trading Representative | |
|  | Đại diện giao dịch cũ  Old trading representative | Đại diện giao dịch mới (nếu có)  New trading representative |
| Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: | Tên/ Name:  Số CMT/hộ chiếu/ ID/ passport number: |
| Địa chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: | Đại chỉ liên lạc/ Address:  Điện thoại/ Tel: |
| Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading | Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán/ Professional License for Securities Trading |
| 5. | Chuyển danh mục/ Change of brokers | |
|  | Công ty chứng khoán chuyển danh mục (chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ Old Broker (applicable if accounts are of same investor)  Địa chỉ  Address | Công ty chứng khoán nhận danh mục(chỉ áp dụng trong trường hợp tài khoản chuyển và nhận là của cùng một nhà đầu tư)/ New Broker firm (applicable if accounts are of same investor  Địa chỉ  Address |
| Điện thoại  Tel/Fax | Điện thoại  Tel/Fax |
| Tài khoản của nhà đầu tư (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name | Tài khoản của nhà đầu tư: (tên nhà đầu tư)  Investor’s Name |
| Số tài khoản chuyển:  Sending Securities Account No | Số tài khoản nhận:  Receiving Securities Account No |
| 6. | Những thay đổi khác so với khi đăng ký mã số giao dịch như địa vị pháp lý, mô hình tổ chức hoạt động, đại diện có thẩm quyền … (liệt kê chi tiết) phải báo cáo theo quy định.  Other changes compared to information previously filled in application form such asType of applicant, Authorized Representative as Chairman of the Board of Director, President or CEO (Please fill in relevant detailed information, as appropriate)… shall be reported by law. | |
| 7. | Thông tin về người liên lạc/ Contact person | |
|  | Họ tên người liên lạc/ Name of contact person  Địa chỉ/ Address:  Điện thoại/Tel:  Email: | |
|  | Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)  Declaration: (effective from the date this registration from is signed)  1. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.  I hereby certify that all the imformation above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.  2. Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.  I hereby undertake to comply to the Vietnamese law and not knowingly to take such measures to threatening to the stability or order of the Vietnam’s financial/ securities market.  3. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và đầy đủ.  I hereby undertake to takefull responsibility for the truthfulness and accuracy of the contents of this document. | |
|  | Hồ sơ kèm theo  Attachments | |
|  | Nhà đầu tư:  Applicant: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tên và chữ ký của đại diện có thẩm quyền  Name and Signature  of Authorized Signatory: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Chức danh  Title: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Ngày thực hiện  Execution Date: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |

**Phụ lục 10/Appendix 10**

**VĂN BẢN CHỈ ĐỊNH/ GIẤY ỦY QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CHO ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH**

**POWER OF ATTORNEY FOR VIETNAM BASED**

**TRADING REPRESENTATIVE/ AGENT**

**I. Thông tin về các bên có liên quan**

**I. Information on relating parties**

**Chúng tôi là:**

**We,**

1.​ Tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt của nhà đầu tư (ghi bằng chữ in hoa tên tổ chức nước ngoài – tên trên Giấy phép thành lập/ đăng ký kinh doanh)/ Full name, transaction name, abbreviation name of Investor (the names should be input in capital letter and consistent with that on Certificate of Incorporation/ Certification of business registration):

2.​ Loại hình nhà đầu tư/ Category: Cá nhân/ Individual ⁯ Tổ chức/ Institution ⁯

3.​ Địa chỉ trụ sở chính của nhà đầu tư /địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân):.......

Head office address:

Tel.......................fax............................email........................

4.​ Quốc tịch của nhà đầu tư/Certificate of Incorporation:

5.​ Giấy đăng ký NSH[1](http://www.ssc.gov.vn/ubck/faces/oracle/webcenter/portalapp/pages/vi/chitietTTHC.jspx?id=949&_afrLoop=27554061977407794&_afrWindowMode=0&_afrWindowId=null" \l "footnote_1)/ Business License number........................................................

Do/ issued by:……………………………… cấp ngày/ dated ………tháng………..năm………..

Có hiệu lực tới ngày/ valid to ………..tháng………….năm……………………………..

6.​ Mã số giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Code number (if any):

Ngày cấp/ issued on:

7.​ Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có)/ Securities Custody number (if any):

Số tài khoản)/ Securities Custody number :.................................................. ..............................................

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Custodian name:............................... ............

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký/ Address of the custodian...................................................

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số/ Depository License Number............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm......../ issued by State Securities Commission on............

8.​ Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities Trading Number:

Số tài khoản/ Securities Trading Number:.................................................. ..............................................

Mở tại Công ty chứng khoán (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Securities Company Name:............................... ............

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty chứng khoán/ Address of Securities Company...................................................

Giấy phép thành lập và hoạt động số............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm........Business License number....... issued by State Securties Commission on................

9.​ Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (nếu có)/ Foreign Indirect Investment Account Number:

Số tài khoản/ Account number:.................................................. ..............................................

Mở tại Thành viên lưu ký (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ Bank name........................................

Địa chỉ trụ sở chính của Thành viên lưu ký/ Address:......................................................

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số............do UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm........Business License number .......issued by State Securities Commision dated......

10.​ Tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán tại ngân hàng (nếu có)/ Cash account for securities trading opened at a bank:

Số tài khoản/ Account number:...............................................................................................

Mở tại Ngân hàng (tên đầy đủ/tên viết tắt)/ at bank:..............................................

Địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng/ Address...................................................

Giấy phép thành lập và hoạt động số............do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày.....tháng.....năm........Business License number...............issued by State Bank on............

**Sau đây chỉ định/ hereby appoint**

Ông (Bà)/ Mr, Mrs:

1.​ Họ và tên/ Full Name: Giới tính/ Gender:

2.​ Ngày sinh/ DOB: Nơi sinh/ Place of birth:

3.​ Quốc tịch/ Nationality:

4.​ Số Hộ chiếu/CMND/Thẻ an sinh xã hội/ Passport number, ID/ Social Securities Number

Nơi cấp/ issued at: Ngày cấp/ issued on:

5.​ Số Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán (CCHN)/ Securities / Professional Licence for Securities trading:

Ngày cấp/ issued on:

6.​ Nơi làm việc (tên đầy đủ, tên viết tắt của tổ chức nơi làm việc)/ Place of Work’s name:

Địa chỉ nơi làm việc/ Address

7.​ Tel: Fax: Email:

8.​ Địa chỉ thường trú/ Permanent Address:

9.​ Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài/ Residence address:

Tel: Fax: Email:

10.​ Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có)/ Address in Vietnam

Tel: Fax: Email:

Là đại diện giao dịch duy nhất cho .......................................(tên nhà đầu tư nước ngoài), thực hiện việc giao dịch, quyền cổ đông, đại diện phần vốn góp, thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin theo sự chỉ định, ủy quyền của .............................. (tên nhà đầu tư nước ngoài).

To be the sole trading representative for *<name of foreign institutional investor>*for trading activities, shareholder’s rights, reporting, information disclosure in accordance with the power of attorney of *<name of foreign institutional investor>.*

Giấy chỉ định này có hiệu lực cho đến khi có Văn bản chỉ định, ủy quyền hủy bỏ bằng văn bản của....................(tên nhà đầu tư nước ngoài).

This power of attorney shall be valid until <*Name of the foreign investor*> issues a written notice of revocation.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH**  **TRADING REPRESENTATIVE**  *(Ký, ghi rõ họ tên)*  *(Signature, name, title)* | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI/ AUTHORIED SIGNATORY FROM FOREIGN INVESTOR**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)/(Signature, name, title)* |

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÔNG CHỨNG HOẶC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

**CERTIFIED BY AUTHORIZED NOTARY PUBLIC OR AUTHORIZED AUTHORITY**

**Phụ lục 11/ Appendix 11**

**PHIẾU THÔNG TIN VỀ ĐẠI DIỆN GIAO DỊCH CỦA**

**NHÀ ĐẦU** **TƯ NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....,ngày ... tháng ... năm*...

Place, date

**INFORMATION ON VIETNAM BASED TRADING**

**REPRESENTATIVE/ AGENT**

1.​ Họ và tên : Nam/ Nữ:

Full name: Gender:

Bí danh ( nếu có ):

Nickname (if any):

2.​ Ngày tháng năm sinh :

Date of birth:

3.​ Nơi sinh :

Place of birth:

4.​ Số chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu, các tài liệu chứng thực khác):

ID card/Passport number (or other equivalent documents):

5.​ Quốc tịch :

Nationality:

6.​ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :

Resident address:

7.​ Địa chỉ liên lạc (thường xuyên):

Permanent address:

Tel: Fax: Email:

8.​ Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài:

Permanent addresss overseas:

Tel: Fax Email:

9.​ Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có):

Permanent address in Vietnam (if any):

Tel: Fax: Email:

10.​ Trình độ văn hoá:

Qualification:

11.​ Trình độ chuyên môn:

Major qualification:

12.​ Nơi làm việc (tên đầy đủ, tên viết tắt của tổ chức nơi làm việc):

Work for (Full name, abbreviated name of the employer):

Địa chỉ nơi làm việc:

Working address:

Tel: Fax: Email:

Vị trí công tác:

Position:

13.​ Chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán (CCHN):

Certificate on Conduting securities business:

Số: Loại CCHN: Nơi cấp:

Number: Type: Issued by:

14.​ Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Education background and Qualifications:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian**  **Time** | **Nơi đào tạo**  **Training organisation** | **Chuyên ngành đào tạo**  **Training major** |
|  |  |  |

15.​ Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua, kết quả công tác tại từng vị trí):

Work experience (details on occupation, position, department, performance)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian**  **Time** | **Nơi làm việc**  **Employer** | **Chức vụ/Vị trí công**  **tác/Trách nhiệm**  **Position/ Department/Responsibilities** | **Kết quả công tác**  **Performance** |
|  |  |  |  |

16.​ Hoạt động giao dịch theo chỉ định của các nhà đầu tư trong và ngoài nước khác (nếu có):

Trading under power of attorney of other dosmestic and foreign investors (if any):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **No** | **Tên nhà đầu tư**  **Investor’s name** | **MSGD (nếu có)**  **Securities trading code**  **(if any)** | **Tài khoản lưu ký/Thành viên lưu ký**  **Depostitory account/ member** | **Tài khoản giao dịch/Công ty chứng khoán**  **Trading Account/ Securities company** | **Thời hạn hợp đồng**  **Contractual period** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

17.​ Thông tin về tài khoản giao dịch cá nhân của đại diện giao dịch:

Information on personal trading account of Vietnam based trading representative/ agent:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT**  **No** | **Tên nhà đầu tư**  **Investor’s name** | **Tài khoản lưu ký/Thành viên lưu ký**  **Depository account/ member** | **Tài khoản giao dịch/Công ty chứng khoán**  **Trading account/ Securities company** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên.

I hereby commit to take full responsibilities for the earnestness, completion and exactness of the content of this Information form and all attached documents.

|  |  |
| --- | --- |
| **CERTIFIED BY AUTHORIZED AUTHORITY**  **(Local authority or Employer or diplomatic representative in Vietnam in case of foreign individual representative)** | **NGƯỜI KHAI**  **DECLARANT**  **(Ký, ghi rõ họ tên )**  **(Signature, full name)** |

[1](http://www.ssc.gov.vn/ubck/faces/oracle/webcenter/portalapp/pages/vi/chitietTTHC.jspx?id=949&_afrLoop=27554061977407794&_afrWindowMode=0&_afrWindowId=null" \l "footnote_back_1) Đối với cá nhân: số Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: số Giấy phép thành lập pháp nhân nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; Giấy phép thành lập tổ chức hoặc chi nhánh tại Việt Nam